

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG CỦA J. PIAGET VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO TRẺ EM

• GS.TS ĐỖ LONG

Giao dục đạo đức được J. Piaget xác định một cách tương ứng với lí luận của ông về giáo dục toán học. Ông không muốn đào tạo ra các thế hệ học sinh chỉ biết lệ thuộc vào quy tắc, quy phạm truyền thống, vào các thế hệ trước. Phê phán sự trì trệ, thiếu năng động và sáng tạo của những người quản lí giáo dục, ông cho rằng nếu không có các quan điểm đổi mới trong giáo dục đạo đức thì "Quyền uy của các ông thầy, những bài giảng luân lí và hệ thống các quy định về khen thưởng và kỉ luật nhằm củng cố thứ đạo đức chỉ biết phục tùng vốn được xem là hoàn toàn đầy đủ"⁽¹⁾, đã thật đầy đủ chưa?

Theo Piaget thì xã hội và nhà trường phải đào tạo ra những con người có ý thức tự do, biết tôn trọng quyền của con người và tôn trọng tự do của những người khác. Nếu theo tinh thần đó thì quyền uy của thầy giáo và thuyết giáo đạo đức phải được thay thế bằng tính tự chủ của học sinh và tác động tương hỗ của chúng, suy rộng ra là bằng chính nhân cách của học sinh.

* Tính tự chủ

Thuộc tính này không phải do một phương pháp nào áp đặt một cách không đúng với thực chất của một nhà trường nhất thể, mà nó chịu sự tác động và ảnh hưởng của vô vàn các quan hệ giữa người lớn với trẻ em và giữa trẻ em với nhau trong quan hệ tương hỗ giữa chúng. Piaget khẳng định rằng "Làng trẻ em, như một xã hội thu nhỏ được thành lập sau Đại chiến thế giới lần thứ hai, mặc dù được tập hợp từ những nỗi bất hạnh chung của những trẻ mồ côi, lang thang, không nơi nương tựa, khó giáo dục, nhưng đã "chứng tỏ

khả năng đổi mới con người bằng một không khí xã hội bắt nguồn từ tình thương và tinh thần tự do". Đó chính là "cơ sở bền chắc để vững tin vào một tương lai tốt đẹp hơn của nhân loại"⁽²⁾.

Tính tự chủ - theo quan điểm của Piaget - hoàn toàn phù hợp với luận điểm mà chúng tôi đã từng nêu lên rằng dấu hiệu đầu tiên của sự hình thành nhân cách ở trẻ em được chúng tôi nói ra và tự làm lấy đó là chữ "tự". Trẻ nói: "để con tự đánh răng", "tự rửa mặt", "tự giặt quần áo", "tự quét nhà", "tự làm bài tập", "tự đi tìm sách"... Đó là những câu nói, những việc làm biểu hiện đầu tiên của sự xuất hiện nhân cách ở trẻ thơ. Từ những thao tác, những hành động "tự" làm lấy, trẻ em dần dần lớn lên, biết tự học tập, tự tu dưỡng, tự quan sát, tự phê phán, tự rút ra những nhận xét để rồi biết tự chỉ trích, tự điều chỉnh, tự nhận thức, tự đánh giá, tự khẳng định và đi đến tự ý thức về bản thân, tức là có ý thức về chính mình. Cùng với ngôn ngữ thâm của trẻ, những đặc trưng này góp phần tạo lập nên những sự khác biệt của nó với những đứa trẻ khác, hình thành nên cá tính của chính nó. Dấu hiệu đặc trưng nhất, cơ bản nhất của phạm trù nhân cách là ở đặc điểm tự khẳng định. Do đó, có thể định nghĩa nhân cách "là một chủ thể biết tự khẳng định mình trong hoạt động chủ đạo do chính mình lựa chọn và thực hiện"⁽³⁾.

Piaget cho rằng đứa trẻ chưa đạt tới trình độ nhân cách thể hiện ở chỗ nó chưa biết đến các quy tắc ứng xử, luôn luôn lấy mình làm trung tâm trong quan hệ với xã hội, với thế giới xung quanh. Chỉ trở thành nhân cách khi mỗi cá thể

1. J. Piaget, *Tuyển tập Tâm lí học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1966, tr.340

2. Sách đã dẫn, tr.341

3. Đỗ Long, *Hồ Chí Minh - Những vấn đề tâm lí học*, NXB Chính trị Quốc gia, 1998, tr.49

biết đặt "cái tôi" của mình trong bối cảnh thực của quan hệ với "cái tôi" của các cá thể khác, "quan hệ đó lồng cá nhân vào trong một hệ thống các tác động tương hỗ và đồng thời bao hàm một kỉ luật tự chủ, một sự chuyển tâm căn bản (không lấy mình làm trung tâm) trong hoạt động"⁽⁴⁾. Theo Piaget thì "vấn đề chủ yếu của giáo dục đạo đức là đảm bảo cho sự chuyển tâm đó và tạo lập cái kỉ luật đó"⁽⁵⁾.

* Sự kính phục: Tình thương và nỗi sợ

Piaget nhận xét rằng có 3 loại tình cảm có thể tác động đến đời sống đạo đức mà ngay ban đầu đã thấy xuất hiện trong cấu tạo đời sống tinh thần của trẻ. Đó là nhu cầu yêu thương, tình cảm sợ hãi và sự kết hợp giữa thương yêu và sợ hãi, tức là sự kính phục. Để hình thành và rèn luyện ý thức đạo đức thì hầu hết các nhà đạo đức học đều quan tâm tới ba yếu tố này. I. Kant cho rằng kính phục một cá nhân tức là kính phục quy luật đạo đức trong cá nhân đó. Durkheim khẳng định rằng kính phục là sự tôn trọng cái kỉ luật mà con người đại diện và thể hiện. Điều mà Piaget tâm đắc cũng là sự kính phục, nhưng phải cao hơn, sâu hơn tình cảm ban đầu, phải là sự kết hợp hài hoà giữa yêu thương và sợ hãi.

Quan hệ giữa trẻ em với những người xung quanh đóng vai trò cốt yếu trong việc hình thành tình cảm đạo đức. Điều này tùy thuộc vào việc thành tố nào trong ba loại tình cảm nói trên được đặc biệt nhấn mạnh trong tình hình bức xúc nào, trong yêu cầu đột xuất nào? Điều chúng ta cần đặc biệt ghi nhớ như một châm ngôn của Piaget đã nêu là "tất cả các yếu tố đều cần thiết để xây dựng một ý thức đạo đức hay một lí trí thực hành", một ý thức trí tuệ hay lí trí thuần tuý, chúng đều không có sẵn ngay trong sự khởi đầu của "sự phát triển tâm lí, đều không được tạo sẵn trong mối liên hệ chặt chẽ với môi trường xã hội". Vậy là, xã hội, nhà trường, các nhà giáo dục và gia đình phải tạo ra một môi trường trong sạch và

lành mạnh một cách có ý thức, có chủ định, có hệ thống để thông qua đó đứa trẻ vừa có thể phát huy tính tự chủ của mình vừa chịu sự chi phối một cách đúng đắn của các tác động tương hỗ.

Các quan hệ nói trên sẽ hình thành ở trẻ tình cảm nghĩa vụ. Đó là bốn phận đầu tiên mà trẻ cảm nhận và chấp nhận như một sự bắt buộc. Piaget đặt ra một câu hỏi về một hiện tượng mà ông cho là lạ lùng: "Tại sao trẻ mới bi bô vài ba tiếng, độ một tuổi thôi mà mệnh lệnh của người lớn được nó chấp nhận hồn nhiên như một trò chơi, và khi vi phạm mệnh lệnh đó nó tự cảm thấy có lỗi, tỏ ra lúng túng trước mặt người lớn?". Ông đã giải thích rằng sự xuất hiện ý thức nghĩa vụ vừa nêu trên phải đáp ứng đồng thời cả hai điều kiện:

- Đứa trẻ tự đón nhận mệnh lệnh và những điều hạn chế của người lớn (không được đi ra phố một mình, không được nói dối). Tại sao trẻ chấp nhận mệnh lệnh trong khi nó có thể lờ đi, có thể giả vờ lơ đãng khi phải nghe những câu chuyện không được vui. Sự chấp nhận của nó không phải do ý chí của người lớn, của kẻ mạnh, không phải là sự vâng lời hời hợt, sự vâng lời vụ lợi, mà là từ bên trong, từ tình cảm nghĩa vụ.

- Từ tình cảm nghĩa vụ tự bên trong nảy sinh điều kiện thứ hai. Đó là sự kính phục đối với một người đáng kính phục - một người thể hiện đồng thời ra bên ngoài mà nó thấy được cả sự yêu thương, cả sự sợ hãi, chứ không phải chỉ một trong hai tình cảm đó. Đứa trẻ không cảm thấy bắt buộc phải phục tùng anh nó, dù nó rất yêu, nhưng nó không sợ. Cũng như vậy, nó phải phục tùng, chẳng hạn, một người lớn lạ mặt, dù nó rất sợ, nhưng không yêu. Trong khi đó nó cảm thấy có nghĩa vụ phải vâng lời cha mẹ, và khi không vâng lời thì nó tự thấy mình có lỗi. Tình cảm đạo đức này nảy sinh rất sớm trong tâm lí trẻ và có tác dụng trong suốt thời thơ ấu. Tuy nhiên, vì kéo dài trong suốt thời thơ ấu nên tình yêu thương và

4. J. Piaget, Sách đã dẫn, tr.341.

5. J. Piaget, Sách đã dẫn, tr. 341



sự sợ hãi không bao giờ tĩnh tại, không thay đổi, mà diễn biến theo năm tháng của trẻ thơ. Sáu tháng tuổi, trẻ sợ hãi và thương yêu một đối tượng nào đó. Một năm tuổi, trẻ lớn khôn hơn, cái đáng yêu thương, cái đáng sợ hãi đối với nó khác với lúc nó sáu tháng tuổi. Ở trẻ hai tuổi, rồi ba tuổi và tiếp theo, hai thứ tình cảm nói trên cũng biến đổi theo. Vậy là, cha mẹ và những người nuôi dạy trẻ phải thấy trước, phải biết rõ ở mỗi thời kì phát triển, trẻ thương yêu ai và thương yêu cái gì, sợ hãi ai và sợ hãi cái gì, và từ đó hình thành cho nó tình cảm nghĩa vụ.

Về thực chất, sự phục tùng, vâng lời, kính phục ở trẻ đối với người lớn là đơn phương. Vì là đơn phương nên sự phục tùng đó luôn phụ thuộc vào bên ngoài. Trước thực trạng đó, Piaget viết: "Sớm hay muộn luật lệ sẽ được cảm nhận, được chấp nhận cao hơn những con người mà trẻ vốn từ nhỏ đã kính phục. Một ngày kia, khi đã trải qua nhiều kiểu hạn chế khác nhau, đôi khi trái ngược nhau, nhưng đứa trẻ vẫn tự thấy như được hướng dẫn để chọn lọc sự hạn chế nào dễ chịu nhất và được trẻ xếp thứ bậc ưu tiên từ cao xuống thấp và theo đó mà tuân thủ"⁽⁶⁾.

Mặt khác, Piaget nhấn mạnh rằng nếu không có dòng đạo đức ở bên ngoài, mà chỉ có sự tôn trọng đơn phương từ phía trẻ thì nó chỉ là một công cụ phục tùng các luật lệ có sẵn từ trước, mặc dù các luật lệ đó do môi trường xã hội tạo lập nên.

***Tác động tương hỗ và tôn trọng lẫn nhau**

Một đặc điểm của giáo dục đạo đức thể hiện ở chỗ nó được thực hiện không chỉ bởi các quá trình tác động tương hỗ thuần túy như ta vẫn thấy ở các hiện tượng thuộc thế giới tự nhiên, thế giới xã hội, thế giới con người. Với giáo dục đạo đức thì tác động tương hỗ phải đạt tới một trình độ sâu hơn, một yêu cầu cao hơn, nghĩa là nó phải gắn bó một cách rất mật thiết, rất chặt chẽ với tình cảm tôn trọng lẫn nhau. Sự tôn trọng lẫn

nhau biểu hiện trong quan hệ giữa người thực hiện giáo dục đạo đức với người được giáo dục đạo đức, giữa thầy, cô giáo với học sinh, cũng như giữa học sinh với nhau.

Tôn trọng lẫn nhau có tác dụng rất lớn để tạo dựng các giá trị đạo đức. Theo Piaget, sự tôn trọng lẫn nhau vẫn chỉ là sự kết hợp của yêu thương và sợ hãi, nhưng sợ hãi ở đây là sợ bị thua kém, sợ bị giảm sút so với bạn bè trong cùng một lĩnh vực hoạt động. Sự lệ thuộc ở trẻ vào bên ngoài được thay thế bằng năng lực tự chủ cần thiết, bằng việc các thành viên của nhóm buộc đứa trẻ mới tham gia phải góp phần tạo lập ra các chuẩn mực của nhóm. Theo tư tưởng của Piaget thì tôn trọng lẫn nhau cũng là nguồn gốc của nghĩa vụ. Sự tôn trọng đó tạo ra một kiểu nghĩa vụ hoàn toàn mới, không áp đặt các chuẩn mực, các luật lệ có sẵn. Ở đây phương pháp xây dựng các luật lệ lại có tác dụng làm gia tăng sự tôn trọng lẫn nhau. Phương pháp này củng cố thêm các tác động tương hỗ, nó tác động không giống như các quy chế về cái sai, cái đúng, mà là sự kết hợp giữa quan điểm và hành động, là sự kết hợp, hợp tác với nhau, chứ không thuần túy chỉ là sự trừng phạt cái xấu, khen thưởng cái tốt.

Sự kết hợp giữa tôn trọng đơn phương với tôn trọng lẫn nhau, giữa chuyển tâm của "Cái tôi" với việc tạo lập một kỉ luật tự chủ - theo Piaget - là sự cần thiết trong giáo dục đạo đức nhằm hình thành nhân cách và có tác động rất to lớn đối với sự phát triển tâm lí trẻ. Nền giáo dục chỉ dựa trên uy quyền, trên sự tôn trọng đơn phương, tất sẽ dẫn đến chỗ áp đặt mỗi cá thể trẻ em vào một hệ thống các luật lệ, các chuẩn mực có sẵn, dứt khoát phải tuân theo, và như vậy, sẽ không mang lại kết quả mong muốn. Nền giáo dục sẽ đem lại nhiều lợi ích, nhiều hiệu quả, nếu nó "cho phép trẻ em tạo lập một loại kỉ luật mà tính cần thiết của nó được chính trẻ em phát hiện ngay trong hành động, thay cho việc tiếp nhận

6. Piaget, Sách đã dẫn, tr. 344

hoàn toàn cái có sẵn trước khi trẻ có thể hiểu được⁽⁷⁾. Phương pháp hoạt động có tác dụng to lớn như thế, nhưng rất tiếc lại không được áp dụng trong giáo dục đạo đức cũng như giáo dục trí tuệ. Phương pháp hoạt động sẽ dẫn dắt trẻ tự xây dựng lấy các công cụ, làm thay đổi nhận thức đạo đức từ bên trong, tức là thay đổi thực sự, chứ không phải chỉ diễn ra hời hợt bề ngoài.

Phương pháp tự chủ và tác động tương hỗ sẽ dần dần được thay thế cho phương pháp quyền uy xưa nay vốn thể hiện qua biện pháp trừng phạt. Bởi lẽ, trừng phạt thường hạ thấp nhân phẩm của cả người thực hiện trừng phạt, cả trẻ có lỗi lầm. Trong tâm thức trẻ thơ thì trừng phạt là một biểu hiện rõ nhất của sự không công bằng và lòng tin phải được thay thế cho mọi kỉ luật từ bên ngoài áp đặt lên đứa trẻ.

*** Tập thể và kiểu quan hệ mới trong tập thể**

Một ấn tượng mạnh mẽ trong chuyến thăm của Piaget tới một đất nước Đông Âu là ngôi trường dành cho trẻ em phạm tội và một con người đáng kính phục đang quản lí ngôi trường đó. Bởi lẽ người quản lí đáng khâm phục kia "đã dám cả gan đặt lòng tin vào trẻ em và thiếu nhi mà ông chịu trách nhiệm dạy dỗ tới mức giao cho chúng cả cái kỉ cương nền nếp của ngôi nhà và còn giao cả những trách nhiệm cụ thể nhất cho những phần tử ương ngạnh nhất"⁽⁸⁾.

Điều làm cho Piaget hết sức ngạc nhiên là người ta đã giao cho một nhóm học sinh lớn hơn đến đây từ trước đảm nhận trách nhiệm giáo dục lại những trẻ em mới đến và tổ chức ra toà án nội bộ trong trường. Toà án này vận hành bởi chính hoạt động tập thể của bản thân các học sinh nội trú, chứ không phải do người lớn thực hiện. Như vậy, ta cũng có thể hình dung ra một dạng chế độ tự quản do chính những học sinh mới đến tự nguyện thực hiện và những điều quy định có liên quan đến tổ chức, đến kỉ luật cũng do chính học

sinh bàn bạc, đề ra và đi đến quyết định, chứ không phải do người lớn định ra trước và áp đặt các em phải chấp hành.

Những thanh thiếu niên lầm lỗi, phạm pháp này lẽ ra phải bị lên án gay gắt, bị trừng phạt nghiêm khắc thì lại được đứng trong một nhóm xã hội có tổ chức, có kỉ luật, được nhận những vị trí công tác, những nghĩa vụ và trách nhiệm nhất định. Điều này không có nghĩa là mọi trẻ sẽ hoàn toàn có quyền bình đẳng như nhau và các em ngay lập tức đã thay đổi, cải tạo được chính bản thân mình, và cũng không có nghĩa là giữa chúng với nhau không còn khoảng cách nào. Sự sáng tạo tốt đẹp đó đã được đề cao và được khâm phục ở ngôi trường này, thể hiện ở chỗ học sinh hễ gia nhập vào tập thể này thì lỗi lầm của chúng sẽ được phán xét không phải bởi các vị quan toà, mà bởi các thành viên của tập thể, bởi bạn bè được cử ra theo tinh thần dân chủ. Một tinh thần nhân đạo, một sự cảm thông, một sự tinh tế trong đánh giá và phán xét của "các vị quan toà" từng là tội phạm đã làm xúc động và làm yên lòng biết bao người đã từng được nghe và được thấy.

Quan điểm của Piaget về giáo dục đạo đức cho trẻ em nói chung, trẻ em phạm pháp nói riêng, thật quả hấp dẫn và đầy sức thuyết phục... Trẻ em dù là phạm pháp cũng vẫn giống như những mỏ đá quý. Nhà giáo dục, cha mẹ và các thành viên trong mỗi gia đình, trong mỗi tổ chức xã hội cần khai thác các mỏ đá quý đó, tìm kiếm và tẩy rửa cát bụi, đất đá... để những báu vật đó càng mài càng sáng, càng mài càng trong, làm đẹp cho xã hội và cho mỗi con người.

SUMMARY

The author outlines some of Piaget thinking on children's moral education for children in general, for adolescent offenders in particular, in which the teacher's authority and moral lecture should be replaced by the student's autonomy and their interactions

7. J. Piaget, Sách đã dẫn, tr. 347

8. J. Piaget, Sách đã dẫn, tr.348.